

Hà Nội, ngày 03 tháng 03 năm 2020

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐS HÀ NỘI
Năm báo cáo: 2019

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CP THÔNG TIN TÍN HIỆU ĐS HÀ NỘI (HASITEC.,JSC)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100769649
- Vốn điều lệ: 22.500.000 đồng (Hai mươi hai tỷ, năm trăm triệu đồng)
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu:
- Địa chỉ: Số 11A Nguyễn Khuyến, P Văn Miếu, Q Đống Đa, Tp Hà nội
- Số điện thoại: (+84) 24 3747 0303/ext 2864
- Số fax: (+84) 24 3747 1758
- Website: hasitec.com.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): HCS

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay:

+ Ngày 28/4/1979 Tổng cục Đường sắt có quyết định số 107/TCNS-TCĐS Thành lập Đoạn Thông tin tín hiệu Hà Nội trực thuộc XNLHVTĐS/Khu vực I (Tiền thân của Công ty CP Thông tin tín hiệu ĐS Hà Nội ngày nay);

+ Ngày 17/4/1989 BGTVT có quyết định số 881/QĐ-TCCB-LĐ, đổi tên XNT³H số 2 thành XNT³HĐS Hà Nội, trực thuộc XNLH VTĐS khu vực I;

+ Ngày 20/3/2003 BGTVT có Quyết định số 734/2003/QĐ-BGTVT, đổi tên thành Công ty T³HĐS Hà Nội;

+ Ngày 16/12/2010 HĐTV Tổng công ty ĐSVN có Quyết định số 1631/QĐ-ĐS, v/v Chuyển Công ty T³HĐS Hà Nội thành Công ty TNHH MTV T³HĐS Hà Nội;

+ Ngày 22/01/2016 - Chuyển đổi thành Công ty CP Thông tin tín hiệu ĐS Hà Nội.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành
1	Hoạt động DV hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (KD chính)
2	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học
3	Sửa chữa thiết bị điện
4	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
5	Phá dỡ
6	Chuẩn bị mặt bằng
7	Lắp đặt hệ thống điện
8	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí
9	Hoàn thiện công trình xây dựng
10	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác
11	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
12	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác - Chi tiết: <i>Xây dựng công trình công nghiệp</i>
13	Hoạt động viễn thông có dây
14	Hoạt động viễn thông không dây
15	Hoạt động viễn thông khác: <i>Chi tiết: Hoạt động của các điểm truy cập internet</i>
16	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan
17	Công thông tin (trừ hoạt động báo chí)
18	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi
19	Dịch vụ hệ thống bảo đảm an toàn
20	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi
21	Sửa chữa thiết bị liên lạc
22	Sản xuất các cấu kiện kim loại
23	Sản xuất thiết bị truyền thông
24	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển
25	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện
26	Sản xuất thiết bị điện khác
27	Lập trình máy vi tính
28	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính
29	Hoạt động dịch vụ CN thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính
30	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
31	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm
32	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
33	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Chi tiết: <i>Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)</i>
34	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
35	DV lưu trú ngắn ngày (Không gồm KD quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)
36	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan
37	Cho thuê xe có động cơ
38	Cho thuê MMTB và đồ dùng hữu hình khác: <i>Cho thuê MMTB bị xây dựng</i>
39	(Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đáp ứng đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật)

- Địa bàn kinh doanh:

- + Hà Nội, Vĩnh Phúc - Phú Thọ, Yên Bái - Lào Cai;
- + Hưng Yên - Hải Dương - Hải Phòng;
- + Hà Nam - Nam Định - Ninh Bình.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị:
 - + Đại hội đồng cổ đông.
 - + Hội đồng quản trị;
 - + Ban kiểm soát.
 - + Giám đốc và bộ máy.
- Cơ cấu bộ máy quản lý:
 - + Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng;
 - + Các phòng tham mưu, nghiệp vụ: KTAT, KHVT, TCKT, TCHC, ĐHDA, Trung tâm giám sát đường ngang và CNTT;
 - + Các chi nhánh T³HĐ: Hà Nội, Hà Hải, Hà Ninh, Hà Yên, Yên Lào và XNXL;
 - + Các tổ, đội sản xuất trực tiếp.
- Các công ty con, công ty liên kết: Không.

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:
 - + Huy động và sử dụng các nguồn lực để tổ chức sản xuất có hiệu quả nhằm tối đa hóa lợi nhuận, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao thu nhập và đời sống vật chất, tinh thần cho người lao động, bảo đảm lợi ích tối đa cho các cổ đông;
 - + Hoàn thành 100% kế hoạch sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích quản lý, bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt quốc gia (theo Hợp đồng đặt hàng) với chất lượng loại A.
 - + Mở rộng, phát triển các ngành nghề kinh doanh khác tìm kiếm doanh thu, lợi nhuận phù hợp với điều kiện nguồn lực; hoàn thành nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước, góp phần xây dựng, phát triển Công ty, Tổng công ty và nền Kinh tế đất nước.
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn:
 - + Tập trung xây dựng đổi mới quản trị doanh nghiệp theo thông lệ kinh tế thị trường, trong đó đặc biệt nhấn mạnh đến Giá trị cốt lõi là An toàn quản lý; Sức mạnh của Doanh nghiệp là sự thích ứng với các biến đổi; Sự hài lòng của khách hàng là mục tiêu của phục vụ; hiệu quả là thước đo giá trị và mục đích tồn tại của Doanh nghiệp;
 - + Sử dụng triệt để các lợi thế, vị thế doanh nghiệp theo phương châm “lấy ngắn nuôi dài” song song với việc tăng cường quan hệ hợp tác để tiếp cận cơ hội tham gia các Dự án đầu tư xây dựng KCHTGT ĐSQG, ĐSĐT có quy mô lớn và vừa; đảm bảo tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận ổn định; duy trì công ăn việc làm và đảm bảo thu nhập của NLĐ, đội ngũ chuyên gia hợp lý để tiếp tục yên tâm làm việc phát triển công ty;

+ Mở rộng và phát triển ngành nghề SXKD mới là quản lý, bảo trì KCHTGT đường bộ, đường sắt chuyên dùng, đường sắt đô thị...tại một số địa bàn trọng điểm như Hà Nội, Hải Phòng và phấn đấu để trở thành một ngành nghề chính tạo doanh thu, lợi nhuận ổn định trong tương lai;

+ Đẩy mạnh nghiên cứu ứng dụng và phát triển KHCN, đặc biệt là ứng dụng CNTT nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả quản lý; tăng tỷ trọng lợi nhuận từ ngành nghề chính là quản lý, bảo trì KCHTĐS;

+ Tập trung nâng cao hiểu biết về nghiệp vụ, xây dựng đội ngũ CBCNV giỏi có tay nghề cao trong các lĩnh vực công nghệ viễn thông, liên khóa, điều khiển, CNTT và quản trị doanh nghiệp; phát triển các kỹ năng mềm của NLĐ như ngoại ngữ, làm việc theo nhóm tổ; nâng cao trình độ tay nghề NLĐ nhằm nâng cao năng lực doanh nghiệp, phát triển thương hiệu HASITEC để sớm trở thành một nguồn lực cạnh tranh có hiệu quả trong nền kinh tế hội nhập.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty:

+ Tiến hành rà soát lại: toàn bộ hệ thống quy trình quản lý, bảo trì nội bộ đảm bảo tính tuân thủ, chấp hành, thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật, có tính khả thi cao trong tổ chức thực hiện và có thể đánh giá được bằng những phương pháp định lượng;

+ Thực hiện các chính sách sử dụng, tiết kiệm năng lượng, nhiên liệu có hiệu quả; bảo vệ môi trường, chống biến đổi khí hậu và thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp với cộng đồng trong giảm thiểu tai nạn giao thông, tạo công ăn việc làm cho lao động địa phương, thực hiện nhiệm vụ quốc phòng an ninh, cứu hộ cứu nạn, khắc phục hậu quả thiên tai, xóa đói giảm nghèo...

5. Các rủi ro:

- Việc đảm bảo ATGT tại các đường ngang, trong điều kiện văn hóa của người tham gia giao thông thấp, người và phương tiện tham gia giao thông vượt quá khả năng của KCHT GTĐB; sự đô thị hóa diễn ra nhanh, sự lấn chiếm hành lang ATGTĐS khó có khả năng ngăn ngừa, dẫn đến suy giảm chất lượng, mất an toàn các công trình T³HĐ một cách trầm trọng là nguy cơ tiềm ẩn dẫn đến các rủi ro TNGTĐS có liên quan đến trách nhiệm bảo trì;

- Doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi ngành nghề hẹp, có tính đặc thù nên thị trường, khách hàng, sản phẩm và dịch vụ không rộng rãi tìm kiếm, phát triển doanh thu, lợi nhuận khó khăn; NLĐ đào tạo theo chuyên ngành hẹp khó để chuyển đổi sang các ngành nghề khác khi định hướng phát triển ngành và thị trường có biến động.

- Tuy là loại hình Công ty cổ phần nhưng Nhà nước nắm giữ quyền chi phối, nhiều cấp, bộ, ngành từ Trung ương đến địa phương đều có quyền (và độc lập thực hiện quyền) trong thanh tra, kiểm tra, giám sát tác động đến hiệu quả hoạt động và đặc biệt thể chế, chính

sách, quy định của pháp luật còn chồng chéo, bất cập dẫn đến Doanh nghiệp dễ bị mắc lỗi trong tuân thủ, chấp hành.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

– Công ty hoàn thành, vượt kế hoạch Doanh thu-Lợi nhuận được ĐHCĐ thường niên năm 2019 ngày 04/4/2019 thông qua, cụ thể như sau:

TT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 2019		
			Kế hoạch	Thực hiện	So sánh % TH/KH
1	Tổng doanh thu và thu nhập	Tr.đ	190.431	201.032	105,57%
2	Tổng chi phí	Tr.đ	182.576	192.956	105,69%
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đ	7.855	8.076	102,81%
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	6.284	6.404	101,91%
5	Tỷ suất LN sau thuế/Vốn CSH	%	25,30	25,790	101,94%

– Chỉ tiêu chất lượng SPCI: Chất lượng duy tu $C_{DT} \geq 99,01\%/98,81\% \rightarrow$ Đạt; Độ ổn định THĐB CBTĐ $K_{OD} \geq 99,99\%/99,99\% \rightarrow$ Đạt; Chất lượng SPCI được TCT ĐSVN nghiệm thu đánh giá đạt loại A. Năm 2019, số vụ tai nạn trên các đường ngang CBTĐ là 14 vụ, tăng 01 vụ so với 2018; số người chết là 06 người, tăng 03 người; bị thương là 06 người bằng với cùng kỳ 2018; các vụ tai nạn xảy ra trên ĐNCBTĐ đều do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông, không do lỗi về quản lý bảo trì của Công ty. Tuy nhiên, tình hình ô tô va chạm gây hư hỏng cản chần tự động vẫn tăng cao.

– Doanh nghiệp tự đánh giá hiệu quả hoạt động và xếp loại A theo 5 chỉ tiêu đánh giá quy định tại thông tư 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015;

2. Tổ chức và nhân sự:

– Danh sách Ban điều hành không có biến động trong năm 2019:

TT	Họ tên	Chức vụ	Năm Sinh	Quê quán	Số CMTND hoặc CCCD	Trình độ Chuyên môn	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
							Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Bùi Đình Sỹ	Giám đốc	1976	Hà Nội	001076002815	KS ĐTVT CN Luật	1.600 573.750	0,071 25,5
2	Cáp Trọng Huy	Phó giám đốc	1977	Hải Phòng	0080770000088	KS ĐTVT	62.500	2.778
3	Nguyễn Phương Nam	nt	1972	Quảng Nam	011641936	KS ĐTVT CN Luật	500	0,022

4	Phạm Văn Hiệp	nt	1979	Nam Định	162237701	KS THDS	1.000	0,044
5	Nguyễn Thị Thanh Hiền	KTT	1967	Bắc Ninh	001167002948	CN Kế toán	2.900	0,129

– Số lượng cán bộ, nhân viên, thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

- + Số lao động tại thời điểm 01/01/2019: 447 người
- + Số lao động chấm dứt HĐLĐ: 12 người
- + Số lao động nghỉ hưu đúng tuổi : 01 người
- + Số lao động tạm hoãn HĐLĐ trong năm: 01 người
- + Số lao động tuyển dụng mới: 14 người
- + Số lao động tính đến ngày 31/12/2019: 447 người

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

a) Các khoản đầu tư lớn:

– Trong năm 2019, Công ty đã đầu tư trang cấp một số thiết bị máy móc phục vụ sản xuất kinh doanh gồm 01 bộ máy đo cáp quang OTDR MTS-4000, 02 bộ máy hàn cáp quang Fijikura 70S+ từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển với tổng giá trị 562.240.800 đồng (đã được HĐQT Tổng Công ty ĐSVN chấp thuận tại văn bản số 2282/ĐS-KTKT ngày 24/7/2019).

- Trong năm không có khoản đầu tư tài chính, chào bán chứng khoán lớn.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có công ty con, công ty liên kết.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	119.719	126.086	+ 5,32 %
Doanh thu thuần	178.461	198.901	+ 11,45 %
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	5.758	7.750	+ 36,60 %
Lợi nhuận khác	1.305	326	- 75,02 %
Lợi nhuận trước thuế	7.063	8.076	+ 14,34%
Lợi nhuận sau thuế	5.643	6.404	+ 13,49 %
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	9,5	12,0	+ 26,32 %

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Ghi chú
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,29	1,31	
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,25	1,25	
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,75	0,75	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	3,005	3,004	
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	33,89	39,44	
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	1,49	1,58	
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,16%	3,22%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bq	23,51%	25,79%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	4,71%	5,08%	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	3,23%	3,90%	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.

a) Cổ phần:

- Tổng số cổ phần: 2.250.000 cổ phần phổ thông;
- Số cổ phần tự do chuyển nhượng: 2.226.000 cp;
- Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 24.000 cp (Công đoàn Công ty).

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Cơ cấu cổ đông	Số cổ đông	Tổng số CP sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ (%)	Ghi chú
1	Tổng số cổ đông	460	2.250.000	100	
	- Cổ đông trong nước	460	2.250.000	100	
	- Cổ đông nhà nước	01	1.147.500	51	
	- Cổ đông khác	459	1.102.500	49	
2	Cổ đông lớn	03	1.527.150	67,872	

	- Tổng công ty ĐSVN	01	1.147.500	51	
	- Công ty TNHH Doha Đầu tư	01	189.825	8,436	
	- Ông Tô Huy Vũ	01	189.825	8,436	
3	Cổ đông là tổ chức	03	1.361.325	60,503	
	- Tổng công ty ĐSVN	01	1.147.500	51	
	- Công ty TNHH Doha Đầu tư	01	189.825	8,436	
	- Tổ chức Công đoàn Công ty	01	24.000	1.067	
4	Cổ đông nhỏ lẻ khác	457	888.675	39,497	

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không thay đổi

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất các sản phẩm và dịch vụ chính trong năm: 77.354 triệu đồng
- Tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Công ty không tái chế nguyên vật liệu để sản xuất

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

TT	Năng lượng sử dụng	Đơn vị	Trực tiếp		Gián tiếp		Cộng	
			Khối lượng	Kinh phí (tr.đ)	Khối lượng	Kinh phí (tr.đ)	Khối lượng	Kinh phí (tr.đ)
1	Số KW điện	KW	1.915.747	3.598	331.296	585	2.247.043	4.183
2	Nhiên liệu MFD	Lít	16.960	268			16.960	268
3	Nhiên liệu ô tô	Lít	23.137	376	10.960	178	34.097	554

Tiêu thụ điện, xăng dầu (chạy máy phát điện) trực tiếp duy trì hoạt động của hệ thống thiết bị thông tin tin hiệu thuộc KCHTĐS được tính trong đơn giá sản phẩm công ích; điện, xăng dầu gián tiếp là chi phí phục vụ cơ quan công ty các chi nhánh, tổ sản xuất trong kiểm tra đảm bảo an toàn chạy tàu, địa điểm làm việc và thường trực vận hành, giải quyết trở ngại và khai thác tại các tổ sản xuất, ga trạm.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến: *Không*.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: *Không*.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

b) Lượng nước tiêu thụ trong năm = 7.326 m³, với kinh phí là 102 triệu đồng

c) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: *Không*.

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp về môi trường: *Không*

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm về môi trường: *Không*

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động.

– Lao động trung bình: 447,8 người;

– Thu nhập trung bình năm: 12,569 trđ/ng/thg.

– Chính sách lao động: Công ty nghiêm túc thực hiện cũng như đảm bảo giải quyết kịp thời các chế độ chính sách đối với người lao động như tiền lương, các quyền lợi ốm đau, thai sản; trích nộp và đóng BHXH, BHYT, BHTN, phí công đoàn đầy đủ, đúng đối tượng; Giải quyết nghỉ chế độ hưu trí theo quy định; mua bảo thân thể tự nguyện cho 100% NLĐ; Nâng bậc lương cho 40 NLĐ (39 lao động trực tiếp, 01 gián tiếp), chuyển ngạch lương cho 02 NLĐ thi đạt chuyên viên chính do TCT ĐSVN tổ chức; Mua sắm và cấp phát trang thiết bị BHLĐ đầy đủ cho NLĐ; Hằng năm tổ chức khám sức khỏe, phân loại lao động, đề xuất bố trí sử dụng lao động phù hợp và điều trị kịp thời các bệnh mới phát hiện (nếu có).

– Đời sống và các hoạt động phúc lợi xã hội cho CBCNV trong Công ty luôn được Ban điều hành quan tâm và tạo điều kiện; Các tổ chức đoàn thể hoạt động thường xuyên có hiệu quả; Tổ chức mạng lưới AT-VSLĐ đến từng tổ sản xuất; trang cấp đầy đủ dụng cụ phòng vệ cá nhân cho NLĐ; tổ chức nghỉ mát, nghỉ dưỡng sức và thăm quan du lịch cho trên 1/3 NLĐ hằng năm; Thực hiện tốt các cam kết TULĐTT, Quy chế dân chủ ở cơ sở tạo môi trường làm việc đoàn kết, gắn bó, khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ.

b) Hoạt động đào tạo người lao động:

– Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo lao động và theo phân loại lao động:

+ Trực tiếp sản xuất: 7,6 h/người

+ Gián tiếp: 27,2 h/người

+ Bổ trợ SX: 7,0 h/người

– Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp:

+ Tổ chức học tập kết hợp du lịch nước ngoài: 27 người;

+ Đào tạo bổ túc nghiệp vụ ngắn hạn: 32 người tham gia bồi dưỡng nghiệp vụ “An toàn trong điều kiện vừa thi công vừa tổ chức chạy tàu” kết hợp huấn luyện ATVSLĐ; 17 người tham gia thi và được cấp chứng chỉ Giám sát thi công; 01 cán bộ tham gia lớp tập huấn về Kiểm soát nội bộ cho các doanh nghiệp, 01 nhân viên học lớp quản trị hành chính, 01 lãnh đạo tham gia đoàn quan sát viên tham dự Hội nghị TGD Đường sắt Asean lần thứ 41 tại Thái Lan, 01 cán bộ tham gia lớp Bồi dưỡng, quản lý quản trị doanh nghiệp.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

– Công ty hoàn thành, vượt kế hoạch Doanh thu-Lợi nhuận được ĐHĐCĐ ngày 04/4/2019 thông qua, cụ thể như sau: Doanh thu và thu nhập đạt 201,032 tỷ/190,431 tỷ (↑5,57%), trong đó doanh thu từ kế hoạch đặt hàng sản xuất và cung ứng SPCI đạt 104,233 tỷ/99,431 tỷ (↑4,83%) và doanh thu từ các hoạt động khác đạt 96,799 tỷ/91,00 tỷ (↑6,37%); lợi nhuận sau thuế 6,404/6,284 tỷ (↑1,91%), Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân 25,79%/25,3% (↑1,94%); cổ tức trên mỗi cổ phần đạt chỉ tiêu đề ra 12%;

– Chỉ tiêu chất lượng SPCI: Chất lượng duy tu CĐT $\geq 99,01\%/98,81\%$ (Đạt); Độ ổn định THĐB CBTĐ $K_{OD} \geq 99,99\%/99,99\%$ (Đạt); Chất lượng SPCI được TCT ĐSVN nghiệm thu đánh giá đạt loại A. Năm 2019, số vụ tai nạn trên các đường ngang CBTĐ là 14 vụ, tăng 01 vụ so với 2018; số người chết là 06 người, tăng 03 người; bị thương là 06 người bằng với cùng kỳ 2018; các vụ tai nạn xảy ra trên ĐNCBTĐ đều do lỗi chủ quan của người tham gia giao thông, không do lỗi về quản lý bảo trì của Công ty. Tuy nhiên, tình hình ô tô va chạm gây hư hỏng cản chẵn tự động vẫn tăng cao.

– Những tiến bộ công ty đã đạt được:

+ Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật, doanh thu, lợi nhuận được ĐHĐCĐ năm 2019 thông qua; Vốn chủ sở hữu được bảo toàn và phát triển, kết thúc năm tài chính Hệ số bảo toàn vốn của Công ty = 1,035;

+ ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 đã thông qua bản sửa đổi bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo đúng quy định của Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 và thông tư 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 cũng như công ty đã sửa đổi bổ sung một số quy chế khác về quản trị công ty là cơ sở để công khai minh bạch trong quản lý, điều hành doanh nghiệp đáp ứng các yêu cầu của công ty đại chúng và hướng tới hội nhập thị trường quốc tế;

+ Công tác nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ và đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin được đẩy mạnh, phát huy tác dụng cao trong công tác đảm bảo an toàn chạy tàu và nâng cao năng suất lao động. Năm 2019, Công ty đã thực hiện nghiên cứu tự chế tạo và sản xuất thành công cảm biến từ SR-20, bộ giao tiếp vào GS-20, mảng đèn LED để lắp đặt tại các đường ngang CBTĐ trên tuyến. Các thiết bị trên hiện tại đã đưa vào lắp đặt theo các công trình, dự án và dùng cho việc thay thế tại các đường ngang.

+ Uy tín doanh nghiệp và giá trị thương hiệu HASITEC trong, ngoài ngành đường sắt tiếp tục được củng cố và khẳng định.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

+ Cơ cấu tài sản = Tổng TS ngắn hạn/ Tổng TS dài hạn = 20,4

Hệ số này cho biết TSNH chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản của Công ty, đối với doanh nghiệp SXKD, điều này ảnh hưởng rất quan trọng trong việc hoàn thành nhiệm vụ SXKD, bởi đó là những tài sản trong hoạt động hàng ngày và chi trả cho những chi phí phát sinh.

+ Hiệu quả sử dụng tài sản thể hiện bởi:

Hệ số vòng quay tổng tài sản = Doanh thu thuần/ Tổng tài sản bình quân = 1,62.

Điều này chứng tỏ với mỗi một đồng tài sản của Công ty có 1,62 đồng doanh thu được tạo ra, đồng nghĩa với việc sử dụng tài sản của công ty vào các hoạt động sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả.

b) Nợ phải thu xấu: năm 2019 Công ty đã đánh giá và thực hiện trích lập dự phòng đối với các khoản nợ quá hạn, nợ không có khả năng thu hồi với sự thận trọng phù hợp, số dư dự phòng cuối kỳ của Công ty là 6.861.666.237 đồng. Một số khoản nợ quá hạn có giá trị lớn là của một vài đơn vị trong ngành, vì vậy trong năm 2020 Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp quyết liệt hơn để đảm bảo thu hồi được số nợ quá hạn.

c) Tình hình nợ phải trả

– Tình hình nợ tại thời điểm 31/12/2019, biến động lớn về các khoản nợ so với cùng kỳ năm trước:

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Số cuối kỳ (31/12/2018)	Số cuối kỳ (31/12/2019)	So sánh (+/-)
	NỢ PHẢI TRẢ	300	89.829	94.594	4.765
I	Nợ ngắn hạn	310	87.774	91.665	3.891
1	Phải trả cho người bán ngắn hạn	311	38.455	33.522	-4.933
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.625	10.635	5.010
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	3.962	5.800	1.838
4	Phải trả người lao động	314	30.884	28.834	-2.050
5	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	90	256	166
6	Các khoản phải trả ngắn hạn	319	3.648	4.867	1.219
7	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	558	883	325
8	Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	2.371	3.587	1.216
9	Quỹ khen thưởng phúc lợi	322	2.180	3.280	1.100
II	Nợ dài hạn	330	2.056	2.929	873
1	Quỹ phát triển khoa học công nghệ	343	2.056	2.929	873

– Các khoản nợ biến động lớn:

+ Phải trả cho người bán ngắn hạn giảm 4.933 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018, nhưng vẫn chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu nợ phải trả. Nguyên nhân: cũng giống các năm trước, năm 2019 doanh thu thuần từ các công trình dự án lớn chủ yếu tập trung vào cuối năm, làm cho các yếu tố chi phí tăng theo, đồng nghĩa với việc các khoản nợ người bán (Vật tư vật liệu, dịch vụ thuê ngoài...) tại thời điểm 31/12 vẫn cao. Tuy nhiên trong tháng 01 và 02/2019 Công ty đã thực hiện trả nợ khách hàng, đến thời 28/2/2019 nợ Phải trả cho người bán ngắn hạn là 2.343.969.644 đồng.

+ Phải trả người lao động giảm 2.050 triệu đồng so với cùng kỳ năm 2018. Nguyên nhân: Tổng quỹ lương năm 2019 tăng 5,3 % so với năm 2018 và ban lãnh đạo công ty đã cân đối điều chỉnh hệ số K điều chỉnh khi chi trả vào các quý trong năm, do vậy dư nợ phải trả NLD cuối năm giảm.

+ Người mua trả tiền trước ngắn hạn tăng 5.010 triệu đồng: năm 2019 đầu tên và giá trị các công trình đều tăng (tổng doanh thu tăng 10,6% so với năm 2018). Vì vậy, để thực hiện triển khai thi công các công trình đảm bảo đúng tiến độ và chất lượng, Công ty đã chú trọng đến các yếu tố như tiềm lực tài chính của chủ đầu tư, khách hàng và trong điều khoản thanh toán hợp đồng luôn yêu cầu phải tạm ứng trước khi thực hiện.

- Năm 2019 Công ty không có nợ phải trả xấu, nợ phải trả quá hạn làm ảnh hưởng đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Giai đoạn 2016-2018, Công ty đã tiến hành sắp xếp lại tổ chức, kiện toàn lại bộ máy cán bộ quản lý các cấp đi vào hoạt động ổn định và phát huy hiệu quả nhất định. Riêng năm 2019, về cơ cấu tổ chức của Công ty không có thay đổi lớn. Sau khi được chấp thuận của HĐQT, Giám đốc Công ty đã quyết định bổ nhiệm các chức danh: Phó phòng Kỹ thuật an toàn (KTAT) từ nguồn nhân sự ngoài Công ty đối với ông Nguyễn Văn Sinh từ ngày 01/7/2019; chức danh Giám đốc Chi nhánh TTTH-Điện Yên Lào đối với ông Lê Xuân Ngân từ ngày 01/12/2019; chức danh Trưởng phòng KTAT đối với ông Trương Tử Bình từ ngày 01/01/2020;

- Tiếp tục thực hiện sửa đổi, bổ sung hệ thống Quy chế, Quy định theo kế hoạch số 03-2019/KH-TTHN ngày 11/01/2019 của HĐQT để hoàn thiện công tác quản lý, điều hành công ty theo mô hình công ty Cổ phần cũng như phù hợp với sự thay đổi của các văn bản QPPL liên quan. Trong năm 2019, một số quy chế tiếp tục được bổ sung sửa đổi như Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế ứng xử và văn minh công sở, quy chế quản lý hồ sơ người lao động, quy chế quản lý tổ chức cán bộ, quy chế tuyển dụng lao động, quy chế trả lương NLD, quy chế Công tác kiểm tra và báo cáo và một số quy định khác.

4. Kế hoạch hoạt động năm 2020

- Căn cứ vào số liệu khảo sát, đánh giá và dự đoán về thị trường, Giám đốc công ty dự kiến hoạch hoạt động năm 2020 với các chỉ tiêu kinh tế chính như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị	Kế hoạch	Ghi chú
I	Doanh thu, thu nhập	Tr.đồng	205.000	
1	– Hợp đồng đặt hàng SCTX	“	106.041	
2	– Hoạt động khác	“	98.959	
II	Các chỉ tiêu			
	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đồng	6.590	
	LNST/Vốn CSH (ROE)	%	25,8	
	LNST/Tổng TS (ROA)	%	4,7	
	LNST/DT thuần (ROS)	%	3,2	
	Cổ tức	%	10	

– Chỉ tiêu kỹ thuật: Đạt theo yêu cầu của Thông tư 06/2019/TT-BGTVT ngày 31/01/2019 quy định về tiêu chí giám sát, nghiệm thu kết quả bảo trì tài sản KCHTĐS QG theo chất lượng thực hiện và chế độ, quy trình bảo trì tài sản KCHTĐS QG; Sản phẩm, dịch vụ công ích bảo trì KCHTĐS giao nộp đúng kỳ hạn với chất lượng 100% SPCI đạt loại A; Độ ổn định THĐB CBTD $K_{\text{ôĐ}} \geq 99,95\%$; trở ngại thiết bị TTTH gây ảnh hưởng chậm tàu ≤ 450 phút, trong đó trở ngại thiết bị TTTH gây ảnh hưởng chậm tàu do yếu tố chủ quan trong công tác kiểm tra, duy tu ≤ 200 phút.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Thực hiện tốt các chính sách, quy định của cấp có thẩm quyền về sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường;
- Vật tư, phụ tùng chi tiết thay ra trong quá trình bảo trì, sửa chữa, thay thế KCHTĐS được thu nộp, bảo quản và bàn giao theo quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

– TULĐTT được NSDLĐ và NLĐ cùng chủ động thực hiện; quy chế dân chủ ở cơ sở được tôn trọng; thực hiện công khai minh bạch trong quản lý, điều hành và phân phối (mạng Intranet); công tác nâng cao chất lượng nguồn nhân lực được chú trọng; phong trào xây dựng VHDN, thực hiện đạo đức công vụ đã được các tổ chức đoàn thể quan tâm đúng mực góp phần và kết quả toàn diện của công ty trong năm qua.

– Công tác an toàn lao động, vệ sinh môi trường luôn được chú trọng quan tâm. Công ty đã triển khai các hoạt động thiết thực về công tác an toàn lao động từ Công ty đến các đơn vị cơ sở như: tập huấn công tác ATLĐ từ cán bộ chủ chốt đến từng người công nhân; thành lập hội đồng BHLĐ; mạng lưới an toàn viên; kiện toàn Ban chỉ huy phòng chống cháy nổ, phòng chống lụt bão; khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV và NLĐ; Làm tốt công tác

BHLĐ, thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện trên công trường kết hợp với việc trang bị đầy đủ dụng cụ BHLĐ cho NLĐ.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp

+ Luôn tuân thủ, chấp hành các quy định pháp luật và được các cơ quan chức năng đánh giá cao. Hoàn thành các nghĩa vụ thu nộp đối với ngân sách;

+ Phối hợp thực hiện đầy đủ các quy định, chương trình, kế hoạch hành động của ngành, chính quyền địa phương các cấp như: Phòng cháy chữa cháy, đảm bảo an ninh trật tự địa bàn, dân quân tự vệ và ủng hộ giúp đỡ đồng bào thiên tai, đền ơn đáp nghĩa, bảo vệ môi trường;

+ Công tác đảm bảo an ninh chính trị trật tự, an toàn xã hội đã trở thành nề nếp của Công ty, lực lượng bảo vệ, tự vệ luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của Công ty cũng như của cấp trên giao cho; lực lượng tự vệ đã được trao giải Ba toàn đoàn, giải Nhì môn thi Chính trị và giải Nhất môn ném lựu đạn trong Hội thao quốc phòng lực lượng dân quân tự vệ quận Đống Đa năm 2019.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty cổ phần

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội

– Năm 2019, HĐQT đánh giá cao về trách nhiệm của NSDLĐ đối với NLĐ đã được thực hiện một cách nghiêm túc về công ăn việc làm, thu nhập đảm bảo; các quy định về trích nộp BHXH, BHYT, BHTN, phí công đoàn, trang thiết bị bảo vệ cá nhân, khám sức khỏe định kỳ thực hiện đầy đủ; TULĐTT có nhiều quy định có lợi hơn cho NLĐ;

– Ban lãnh đạo cũng như toàn thể cán bộ NLĐ Công ty đã thực hiện tốt các chức năng quản trị, điều hành, hoàn thành xuất sắc kế hoạch doanh thu, lợi nhuận, đảm bảo tuyệt đối an toàn chạy tàu theo quyết nghị của ĐHĐCĐ Công ty năm 2019;

– Hoạt động trong lĩnh vực SXKD chủ yếu là hoạt động bảo trì kết cấu hạ tầng đường sắt nên cũng có một số yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe, môi trường. Để giảm thiểu những rủi ro không mong muốn xảy ra trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh, đáp ứng những quy định pháp luật về môi trường và phù hợp với định hướng phát triển bền vững, Công ty đã triển khai một số giải pháp như thường xuyên phổ biến tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho toàn thể cán bộ nhân viên; tuân thủ nghiêm ngặt như quy định về thu gom, xử lý chất thải, đổ thải trong quá trình thi công xây dựng các công trình Công ty thực hiện.

– Tăng cường thực hiện các hoạt động xã hội như chia sẻ, giúp đỡ những gia đình khó khăn, gia đình chính sách. Đẩy mạnh hoạt động từ thiện, các hoạt động hỗ trợ cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển bền vững.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

– Ban Giám đốc đã bám sát Mục tiêu chất lượng năm 2019, kế hoạch SXKD năm và phân khai từng quý để cân đối điều hành, sử dụng có hiệu quả nguồn lực nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế, kỹ thuật đề ra. Những đầu tiên công trình quan trọng của MTCL năm đã được triển khai tổ chức thực hiện tốt. Chất lượng duy tu bảo trì đạt loại A, khối lượng SPCI đạt theo kế hoạch đề ra;

– Công tác đảm bảo an toàn quản lý tiếp tục được giữ vững; công tác khắc phục sự cố, thiên tai được Giám đốc tổ chức điều hành chặt chẽ. Công tác đảm bảo ATGT tại các ĐNCBTĐ được thực hiện tốt, song song việc áp dụng KHCN vào hoạt động quản lý, giám sát, góp phần tích cực trong việc nâng cao chất lượng, tính sẵn sàng của hệ thống thiết bị.

– HĐQT đánh giá cao việc Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt việc điều hành hoạt động của Công ty đúng theo quyết nghị của ĐHĐCĐ, nghị quyết chỉ đạo của HĐQT trong sản xuất kinh doanh, đời sống, xã hội năm 2019; Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 đạt được trong bối cảnh ngành đường sắt có những diễn biến phức tạp đã góp phần giữ vững sự ổn định, củng cố niềm tin từ người lao động, đối tác, khách hàng của Công ty.

– Giám đốc đã triển khai đầy đủ và thực hiện nghiêm túc các quyết định, nghị quyết của HĐQT. Trong quá trình điều hành hoạt động, Ban Điều hành đã tuân thủ theo đúng phân cấp tại Điều lệ và các quy định nội bộ của Công ty; đã có nhiều giải pháp linh hoạt, kịp thời, phù hợp với chủ trương, định hướng của HĐQT nhằm đạt được mục tiêu kế hoạch năm 2019 của Công ty. Đặc biệt đối với mảng kinh doanh ngoài công ích, bên cạnh những đầu tiên công trình khách hàng truyền thống và các công trình di chuyển hệ thống TTTH ĐS để GPMB ở nhiều tỉnh thành, công ty đã tập trung nguồn lực, chỉ đạo sát sao triển khai thực hiện 14 gói thầu của Dự án “Nâng cấp, cải tạo đường ngang biển báo thành đường ngang cảnh báo tự động có cần chắn tự động” theo quyết định 994/QĐ-TTg ngày 19/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ mang lại nguồn doanh thu chủ yếu cho mảng các hoạt động ngoài SCTX.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

– Chỉ đạo tổ chức thực hiện Kế hoạch Doanh thu, lợi nhuận, cổ tức năm 2020 được ĐHĐCĐ thường niên quyết nghị;

– Tập trung ưu tiên mọi nguồn lực cho công tác đảm bảo an toàn giao thông đường sắt (TTATGTĐS). Triển khai thực hiện đồng bộ, quyết liệt các giải pháp đảm bảo TTATGTĐS từ Công ty đến các đơn vị. Luôn đảm bảo phương châm “Chủ động phòng ngừa, kịp thời ứng phó” trong chỉ đạo, thực hiện nhiệm vụ công tác đảm bảo TTATGTĐS;

– Chủ trì và chỉ đạo xây dựng đề phê duyệt: dự toán chi phí sử dụng nguồn CPC trong kế hoạch đặt hàng SPCI năm 2020 để điều hành theo kế hoạch; xây dựng kế hoạch tài chính theo doanh thu, lợi nhuận đối với phần kế hoạch ngoài công ích;

– Tiếp tục thực hiện tiết kiệm chi phí quản lý, tiết kiệm chi tiêu nhằm tăng trưởng doanh thu, lợi nhuận. Quản lý dòng tiền vào, ra chặt chẽ theo hướng gắn nợ vào tập thể, cá nhân

theo quy định của Pháp luật và Quy chế quản lý nợ nội bộ; tiếp tục giải quyết dư nợ tồn đọng, nợ xấu từ những năm trước.

– Tìm kiếm cơ hội hợp tác để phát triển SXKD, mở rộng lĩnh vực hoạt động của Công ty kết hợp nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng yêu cầu của khách hàng.

– Chỉ đạo Ban điều hành thực hiện tuyển dụng bổ sung nguồn nhân lực có chất lượng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

– Đảm bảo và duy trì công tác quản trị, điều hành luôn công khai, minh bạch trong hoạt động SXKD cũng như hoạt động công bố thông tin; tuân thủ, chấp hành các quy định của pháp luật; thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp với ngân sách đầy đủ theo quy định của pháp luật;

– Tiếp tục hoàn thiện bộ Quy chế quản trị nội bộ nhằm nâng cao hiệu quả công việc, phát huy vai trò của các tập thể và NLĐ trong tổ chức, điều hành và thực hiện công việc; đồng thời nâng cao tính kỷ luật và công khai, minh bạch, công bằng trong quản lý điều hành.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cổ phần thông tin tín hiệu đường sắt Hà Nội tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động SXKD và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày BCTC.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán lập ngày 24 tháng 02 năm 2020 bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
GIÁM ĐỐC**



Bùi Đình Sỹ